

**Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST**

**Ngày 29 tháng 8 năm 2022**

*"V/v Hôn nhân và gia đình"*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Tạ Hồng Tuấn**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Mạnh Cường và bà Vương Thị Thu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vi Thị Năm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thanh S** - Sinh năm 1984

Nơi cư trú: Khu Q, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị **Trần Thị T** - Sinh năm 1985

Nơi cư trú: Khu Q, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

*Anh S và chị T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh S vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, anh S trình bày như sau:

Anh và chị Trần Thị T tự nguyện kết hôn với nhau ngày 23/12/2011, có đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã P (nay là xã M), huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng bố mẹ anh tại xã M. Do vợ chồng chung sống với nhau nhiều năm mà không có con nên tình cảm và quan hệ vợ chồng dần trở nên xa cách, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nay anh S xác định tình cảm giữa anh với chị T không còn vì vậy yêu cầu được ly hôn chị Trần Thị T.

- Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác Nguyễn Thanh S trình bày anh và chị Trần Thị T không có nên không yêu cầu giải quyết.

\* Bị đơn là chị Trần Thị T vắng mặt nhưng đã có lời khai thể hiện quan điểm như sau: Chị T trình bày về thời gian, kết hôn, thủ tục kết hôn và thời gian vợ chồng chung sống đúng như anh Nguyễn Thanh S trình bày. Do vợ chồng chung sống nhiều

năm mà không có con nên cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc vì vậy chị cũng yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Thanh S.

- Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị Trần Thị T trình bày xác nhận chị và anh Nguyễn Thanh S không có nên không yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị T đề nghị được vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn nguyên đơn là anh Nguyễn Thanh S đề nghị không tiến hành hòa giải và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Nhưng do vợ chồng chung sống với nhau đã nhiều năm mà không có con chung làm ảnh hưởng đến tình cảm và quan hệ vợ chồng, là nguyên nhân chính làm cho hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay cả anh S và chị T đều xác định tình cảm không còn và yêu cầu ly hôn. Xét yêu cầu ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị T đều xác nhận không có nên không giải quyết.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh S phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật..

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử:** Cho anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị T được ly hôn.

- Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác không có nên không giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Thanh S phải nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Sơn đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại “*Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án*” số AA/2020/0003419 ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã M, h. T;
- Các đ-ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ, án văn

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Tạ Hồng Tuấn**